TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIỄN CHÂU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31-01-2024

"V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng và ông Hoàng Công Hải

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Hải Sâm- Thư ký TAND huyện Diễn Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên toà: ông Phạm Thế Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu xét xử sở thẩm công khai vụ án thụ lý số 358/2023/TLST-HNGĐ ngày 28/11/2023 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/01/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Phùng Thị T, sinh năm 1982. Có mặt

Địa chỉ: xóm 1, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An

2. Bị đơn: anh Lê Xuân H, sinh năm 1978. Vắng mặt.

Địa chỉ: xóm 1, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phùng Thị T trình bày: Về hôn nhân: Chị Phùng Thị T và anh Lê Xuân H kết hôn trên cơ sở hôn nhận tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy đăng ký kết hôn số 04 do UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An cấp ngày 28/01/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát đánh đập nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, quan điểm sống của vợ chồng đã không còn phù hợp, anh H không có trách nhiệm với gia đình vợ con. Bản thân chị đã vì các con cố gắng và đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng cuộc sống chung của vợ chồng ngày càng nặng nề, tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm chăm sóc nhau từ năm 2021 đến nay. Nay chị T xét thấy tình cảm

vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được yêu cầu Toà án giải quyết cho được ly hôn với anh Lê Xuân H.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Lan A, ngày 12/02/2005 và Lê Xuân T1, sinh ngày 25/8/2009. Ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Cháu Lan A đã đủ tuổi trưởng thành. Quá trình chung sống vợ chồng không nhận con nuôi và cũng không ai có con riêng.

Về tài sản chung: Chị Phùng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Xuân H đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Kết quả xác minh cho thấy bị đơn hiện đăng ký thường trú và cư trú thường xuyên tại xóm 1, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Tòa án đã tiến hành giao trực tiếp các văn bản tố tụng của vụ án cho bị đơn, nhưng không thành do anh H từ chối nhận nên Tòa án đã thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng trên theo quy định. Tuy nhiên bị đơn không có mặt tại tòa án để giải quyết nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Bị đơn cũng không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt là không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử: về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Phùng Thị T và anh Lê Xuân H; về con chung: Giao con chung là Lê Xuân T1, sinh ngày 25/08/2009 cho chị Phùng Thị T trực tiếp trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Lê Xuân H. Cháu Lê Thị Lan A, ngày 12/02/2005 đã đủ tuổi trưởng thành; về tài sản chung: đề nghị không xem xét; về án phí: buộc chị Phùng Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung; bị đơn hiện cư trú tại huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của BLTTDS. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phùng Thị T và anh Lê Xuân H kết hôn trên cơ sở hôn nhận tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy đăng ký kết hôn số 04 do UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An cấp ngày 28/01/2004 vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày: Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát đánh đập nhau; nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, quan điểm sống của vợ chồng đã không còn phù hợp, anh H không có trách nhiệm với gia đình vợ con, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm chăm sóc nhau từ năm 2021 đến nay, không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Lê Xuân H. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không gửi văn bản nêu ý kiến của mình về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Kết quả xác minh tại nơi cư trú cho thấy: quá trình chung sống giữa chị Phùng Thị T và anh Lê Xuân H xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn đã trầm trọng; anh Lê Xuân H có hành vi bạo lực gia đình đang bị Công an xã D xem xét, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Hội đồng xét xử thấy rằng: căn cứ kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng tại nơi cư trú cũng như lời khai của đương sự cho thấy tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng giữa chị Phùng Thị T và anh Lê Xuân H đã thực sự trầm trọng không thể khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị Phùng Thị T yêu cầu giải quyết ly hôn anh Lê Xuân H là phù hợp với quy định tại Điều 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, qua lời khai và tài liệu nguyên đơn giao nộp, kết quả xác minh cho thấy: Quá trình chung sống chị Phùng Thị T và anh Lê Xuân H có 02 con chung là Lê Thị Lan A, ngày 12/02/2005 và Lê Xuân T1, sinh ngày 25/8/2009. Hiện các con chung đang sống cùng chị Thanh; ngoài ra quá trình chung sống chị T và anh H không nhận con nuôi và cũng không ai có con riêng. Ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, còn cháu Lan A đã đủ tuổi trưởng

thành. Anh Lê Xuân H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại bản tự khai đề ngày 29/12/2023, cháu Lê Xuân T1 trình bày nguyện vọng được ở với mẹ. Vì các lẽ trên, hội đồng xét xử xét thấy: chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T là phù hợp với nguyện vọng của cháu Lê Xuân T1; anh H không có ý kiến thể hiện nguyện vọng về nuôi con và cấp dưỡng vì vậy cần giao con chung là cháu Lê Xuân T1 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Do chị Thanh không yêu cầu, anh H không có ý kiến nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H. Cháu Lê Thị Lan A, ngày 12/02/2005 đã đủ tuổi trưởng thành.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết; Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì về quan hệ tài sản chung nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Bị đơn chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phùng Thị T và anh Lê Xuân H

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Xuân T1, sinh ngày 25/8/2009 cho chị Phùng Thị T trực tiếp trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Lê Xuân H.

Cháu Lê Thị Lan A, ngày 12/02/2005 đã đủ tuổi trưởng thành.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: chị Phùng Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu theo biên lai số 001100 ngày 28/11/2023.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Nhung

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Diễn Châu;
- Chi cục THADS huyện Diễn Châu;
- UBND xã N
(ĐKKH số 04 ngày 28/01/2004);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.